

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Loan và ông Ngô Quang Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 15-9-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 23-6-2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-8-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23-8-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 10 (nay là thôn 1), xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-6-2022, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 07-10-2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn 10 (nay là thôn 1), xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không cùng quan điểm sống. Mặc dù, đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Nguyễn Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Q.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh Bùi Văn Q thông qua mẹ để anh Q là bà Nguyễn Thị L địa chỉ: thôn 10 (nay là thôn 1), xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái nhưng bị đơn anh Bùi Văn Q không đến Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của anh Quân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin ly hôn với anh Bùi Văn Q, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 10 (nay là thôn 1), xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thủ tục hoà giải: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, giao nhận, tổng đạt các văn bản hợp lệ cho anh Bùi Văn Q nhưng bị đơn anh Bùi Văn Q không có mặt tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được nên Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 07-10-2021 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo chị Nguyễn Thị Thu H thì vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và hiện tại anh chị đã không còn sống chung từ tháng 02/2022. Đến nay, chị Nguyễn Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn Q. Anh Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hoà giải nhưng anh Bùi Văn Q đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh Bùi Văn Q đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn cuộc sống vợ chồng của mình. Dẫn đến hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Văn Q ngày càng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Bùi Văn Q theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do anh Bùi Văn Q chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001924 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 22-6-2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Mai Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Loan Ngô Quang Hùng

Phạm Mai Hằng

